

Số/ No.: 20231212/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU  
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

*Kính gửi:* Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam  
*/To:* Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange  
Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2023  
Ho Chi Minh City, December 12, 2023

**ANNOUNCEMENT AFTER  
EXCHANGE TRADING**

- Tên quỹ ETF/ *ETF name:* Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF  
- Mã chứng khoán/*Securities symbol:* **FUEKIVFS**  
- Tên Công ty Quản lý quỹ:  
*Fund Management company:* Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/  
*KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.*  
- Tên Ngân hàng giám sát/  
*Supervisory Bank:* Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/  
*Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam*  
- Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange date:* **11/12/2023**  
- Đơn vị tính lô ETF/ *Unit:* 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/  
*1 lot of ETF = 100 000 ETF shares*

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ *We announce the creation basket as follow:*

STT No.	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Số lượng <i>Volume</i>	Tỷ lệ % trong danh mục <i>Weight (%)</i>
<b>I. Chứng khoán/ <i>Securities</i></b>			
1	ACB	4,500	9.64%
2	AGR	100	0.15%
3	BIC	100	0.24%
4	BID	300	1.20%
5	BMI	100	0.20%
6	BSI	100	0.43%
7	BVH	100	0.38%
8	CTG	1,000	2.57%
9	CTS	100	0.26%
10	EIB	2,000	3.65%
11	EVF	900	1.45%
12	FTS	200	0.81%
13	HCM	300	0.89%
14	HDB	2,500	4.48%
15	LPB	2,900	4.53%
16	MBB	3,700	6.44%
17	MIG	100	0.17%
18	MSB	2,100	2.62%
19	OCB	1,400	1.89%
20	ORS	200	0.31%
21	SHB	3,700	3.89%
22	SSB	1,700	3.69%
23	SSI	1,300	4.05%
24	STB	2,400	6.47%
25	TCB	2,900	8.58%
26	TPB	1,600	2.67%
27	TVS	100	0.20%
28	VCB	800	6.50%
29	VCI	400	1.60%
30	VDS	100	0.16%
31	VIB	1,700	3.14%
32	VIX	800	1.32%
33	VND	1,100	2.28%
34	VPB	6,800	12.74%
	Tiền/ <i>Cash (VND)</i>	4,231,703	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and 1 lot of ETF in value*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value: (VND)*

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF: (VND)*

- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value: (VND)*

1,041,945,000

1,046,176,703

4,231,703



- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ Cash Substitution per share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied to	Lý do/ Reason
1	ACB	22,400	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	BIC	25,350	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
3	BID	41,900	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
4	BSI	45,500	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>
5	BVH	39,550	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
6	MBB	18,200	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MSB	13,050	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	TCB	30,950	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	TPB	17,450	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	VCB	85,000	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
11	VCI	41,800	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>
12	VIB	19,350	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period (*)	Kỳ trước/ Last period (**)	Chênh lệch/ Difference
	11/12/2023	08/12/2023	
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>			-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	28,000,000	28,000,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	10,400.00	10,500.00	(100)
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net asset value at valuation date</i>			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	292,929,476,886	293,365,481,597	(436,004,711)
của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF creation unit</i>	1,046,176,703	1,047,733,862	(1,557,159)
của 1 CCQ/ <i>per Share</i>	10,461.76	10,477.33	(15.57)
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	1,830.57	1,837.77	(7.20)

(\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 10/12/2023

/ Item 5 is net asset value at 10/12/2023

(\*\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 07/12/2023

/ Item 5 is net asset value at 07/12/2023

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ  
Authorized Representative of Fund Management Company



**Jun Hang Jin**  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN